

VỊ TRÍ CHỖ NGỒI CỦA NGƯỜI DỰ LỄ TỐT NGHIỆP VÀ TRAO BẰNG TỐT NGHIỆP TẠI HỘI TRƯỜNG C

SÁNG NGÀY 16/11/2024

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
1	2005208178	D15	Trương Hoài	Nam	Công nghệ thực phẩm	I11
2	2022208660	D16	Nguyễn Đoàn Thanh	Hương	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	I12
3	2006200004	D17	Phùng Thị Kim	Thanh	Công nghệ chế biến thủy sản	I13
4	2001207001	D18	Trần Ngọc Hiếu	Thảo	Công nghệ thông tin	I14
5	2001207360	D19	Nguyễn Ngọc Trí	Vĩ	Công nghệ thông tin	I15
6	2009202007	D20	Lâm Lê Tuấn	Hải	Công nghệ kỹ thuật môi trường	I16
7	2004202013	D21	Phan Nguyễn Thành	Luân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	I17
8	2025200044	D22	Nguyễn Phước Định	Phúc	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	I18
9	2002209001	D23	Lê Quốc	Thiện	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	I19
10	2032200136	D24	Trần Anh	Kiệt	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	I20
11	2001200147	D25	Nguyễn Đức	An	Công nghệ thông tin	I21
12	2001200504	D26	Nguyễn Bạch	Long	Công nghệ thông tin	I22
13	2001207027	D27	Nguyễn Bá	Ngọc	Công nghệ thông tin	I23
14	2001200553	D28	Phạm Tấn	Thuận	Công nghệ thông tin	I24
15	2001207124	D29	Nguyễn Thị	Thương	Công nghệ thông tin	I25
16	2001200004	D30	Phạm Nguyễn Huyền	Trân	Công nghệ thông tin	J9
17	2001202290	D31	Lê Bùi Tấn	Trưởng	Công nghệ thông tin	J10

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
18	2004208055	D32	Đặng Chương	Đài	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J11
19	2004204581	D33	Võ Phan Gia	Hùng	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J12
20	2004208048	D34	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J13
21	2004200063	E15	Nguyễn Văn	Dễ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J14
22	2004200206	E16	Đinh Phan Tài	Lợi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J15
23	2004200003	E17	Phạm Huỳnh Minh	Mẫn	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J16
24	2004200018	E18	Trần Thanh	Tuyền	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J17
25	2004208041	E19	Đặng Quốc	Bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J18
26	2004208061	E20	Võ Thị Thùy	Dung	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J19
27	2004202015	E21	Nguyễn Tiến	Dũng	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J20
28	2004200002	E22	Võ Thị Mỹ	Hạnh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J21
29	2004208053	E23	Phạm Thị Minh	Ngọc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J22
30	2004208059	E24	Bùi Thị Kiều	Oanh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J23
31	2004208038	E25	Hồ Thị Kim	Xuân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	J24
32	2009202008	E26	Lê Nguyễn Thanh	Hằng	Công nghệ kỹ thuật môi trường	J25
33	2025207683	E27	Nguyễn Trung	Kiên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	J26

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
34	2025200085	E28	Quan Ngọc	Lâm	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	J27
35	2025200202	E29	Phùng Quang	Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	J28
36	2002200222	E30	Nguyễn Văn	Huy	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	K17
37	2032207958	E31	Nguyễn Minh	Cường	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	K16
38	2032207942	E32	Nguyễn Anh	Đức	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	K15
39	2032207966	E33	Nguyễn Đức	Hậu	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	K14
40	2032207928	E34	Hoàng Văn Ngọc	Hoàng	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	K12
41	2032207954	E35	Đại Nhật	Quang	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	K11
42	2032200043	D35	Trần Nhựt	Tâm	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	X-J29.1
43	2032203017	F15	Trần Thị Xuân	Tuyết	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	X-J29.2
44	2032202046	F16	Lê Lâm	Thắng	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	J29
45	2032202055	F17	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	J30
46	2005208148	F18	Lưu Hoàng	Diệu	Công nghệ thực phẩm	J31
47	2005201304	F19	Phan Quỳnh	Đoan	Công nghệ thực phẩm	J32
48	2005200483	F20	Phạm Trúc	Hân	Công nghệ thực phẩm	X-J32.1
49	2005200627	F21	Vũ Thị Thu	Hiền	Công nghệ thực phẩm	J33
50	2005200267	F22	Lê Ngọc	Hiển	Công nghệ thực phẩm	J34

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
51	2005200664	F23	Nguyễn Duy	Hùng	Công nghệ thực phẩm	J35
52	2005200625	F24	Nguyễn Vũ Ngọc	Lan	Công nghệ thực phẩm	J36
53	2005208309	F25	Trần Thị Huyền	Linh	Công nghệ thực phẩm	X-J36.1
54	2005200713	F26	Huỳnh Lê Thanh	Ngân	Công nghệ thực phẩm	I28
55	2022200080	F27	Nguyễn Gia Hiếu	Nhân	Công nghệ thực phẩm	I29
56	2005208547	F28	Nguyễn Kim	Phương	Công nghệ thực phẩm	I30
57	2005208179	F29	Bùi Lê Bích	Phượng	Công nghệ thực phẩm	I31
58	2005201118	F30	Tiêu Trọng	Tín	Công nghệ thực phẩm	I32
59	2005200762	F31	Nguyễn Dương Thiên	Tú	Công nghệ thực phẩm	X-I33.1
60	2022208664	F32	Trần Thị Bích	Trâm	Công nghệ thực phẩm	I33
61	2005200150	F33	Huỳnh Ngọc	Trân	Công nghệ thực phẩm	I34
62	2005202179	F34	Nguyễn Hoàng	Trúc	Công nghệ thực phẩm	I35
63	2005208369	F35	Nguyễn Thị Tường	Vi	Công nghệ thực phẩm	I36
64	2005208210	G35	Phương Thảo	Vy	Công nghệ thực phẩm	I37
65	2022200099	G15	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	H36
66	2005200368	G16	Phạm Minh	Ái	Công nghệ thực phẩm	H37
67	2005200304	G17	Lê Võ Hoài	Bảo	Công nghệ thực phẩm	H38
68	2005200912	G18	Tạ Thị Kim	Dung	Công nghệ thực phẩm	H39

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
69	2005200201	G19	Nguyễn Thị Mỹ	Hậu	Công nghệ thực phẩm	H40
70	2005201174	G20	Vương Đắc	Khởi	Công nghệ thực phẩm	H41
71	2005200543	G21	Lê Thị Hồng	Ngọc	Công nghệ thực phẩm	H42
72	2005200296	G22	Phạm Thị Thanh	Tâm	Công nghệ thực phẩm	H43
73	2005201206	G23	Trần Thị Thanh	Thiện	Công nghệ thực phẩm	H44
74	2005200162	G24	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	Công nghệ thực phẩm	H45
75	2005200414	G25	Huỳnh Thị Mỹ	Vi	Công nghệ thực phẩm	H46
76	2005200504	G26	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	Công nghệ thực phẩm	H47
77	2005200341	G27	Trần Thị Mỹ	Anh	Công nghệ thực phẩm	H48
78	2005200298	G28	Dương Ninh	Chi	Công nghệ thực phẩm	H49
79	2005200392	G29	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Công nghệ thực phẩm	X-H49.1
80	2005200361	G30	Phạm Thị Ngọc	Em	Công nghệ thực phẩm	G36
81	2005200213	G31	Nguyễn Ngọc	Thuyết	Công nghệ thực phẩm	G37
82	2005200565	G32	Hà Kiều	Anh	Công nghệ thực phẩm	G38
83	2005201188	G33	Nguyễn Minh	Hưng	Công nghệ thực phẩm	G39
84	2005200447	G34	Dương Ngọc Thùy	Linh	Công nghệ thực phẩm	G40
85	2005200405	H15	Đoàn Thị Kiều	Oanh	Công nghệ thực phẩm	G41
86	2005201040	H16	Duy Nhật	Quang	Công nghệ thực phẩm	G42
87	2005201319	H17	Bùi Thị Thúy	Hằng	Công nghệ thực phẩm	G43
88	2005200130	H18	Lương Thị Khánh	Ly	Công nghệ thực phẩm	G44
89	2005200273	H19	Trần Thị	Vòng	Công nghệ thực phẩm	G45

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
90	2005200289	H20	Quách Thị Ngọc	Bình	Công nghệ thực phẩm	G46
91	2005201175	H21	Võ Hữu Hồng	Chi	Công nghệ thực phẩm	G47
92	2005200337	H22	Trần Ngọc	Hân	Công nghệ thực phẩm	G48
93	2005201051	H23	Trần Hoàng Ái	Liên	Công nghệ thực phẩm	G49
94	2005200062	H24	Nguyễn Quý Khánh	Minh	Công nghệ thực phẩm	X-G49.1
95	2005200928	H25	Nguyễn Thị Bội	Ngọc	Công nghệ thực phẩm	F36
96	2005200647	H26	Nguyễn Hoài Mỹ	Tâm	Công nghệ thực phẩm	F37
97	2005200826	H27	Đinh Phước	Thành	Công nghệ thực phẩm	F38
98	2005200091	H28	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	Công nghệ thực phẩm	F39
99	2005200438	H29	Phạm Thị Xuân	Đào	Công nghệ thực phẩm	F40
100	2005200783	H30	Trần Ngọc	Đào	Công nghệ thực phẩm	F41
101	2005201081	H31	Đoàn Mẫn	Đạt	Công nghệ thực phẩm	F42
102	2005200140	H32	Lê Thị Huỳnh	Như	Công nghệ thực phẩm	F43
103	2005200905	H33	Trần Ngọc Bích	Trâm	Công nghệ thực phẩm	F44
104	2005201321	H34	Nguyễn Lê Chi	Hins	Công nghệ thực phẩm	F45
105	2005200354	H35	Trần Như	Huỳnh	Công nghệ thực phẩm	F46
106	2005200239	I27	Hồ Thị Huỳnh	Như	Công nghệ thực phẩm	F47
107	2005201244	I26	Nguyễn Hoàng	Thiện	Công nghệ thực phẩm	F48
108	2005201001	J8	Nguyễn Hải	Đăng	Công nghệ thực phẩm	F49
109	2005200198	J7	Lê Hà	Phương	Công nghệ thực phẩm	X-F49.1
110	2005200208	J6	Hồ Xuân	Quỳnh	Công nghệ thực phẩm	E36

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
111	2005201129	J5	Nguyễn Tân	Thịnh	Công nghệ thực phẩm	E37
112	2005202062	J4	Nguyễn Quốc	Kiệt	Công nghệ thực phẩm	E38
113	2005202080	J3	Cao Thị Trúc	Ngân	Công nghệ thực phẩm	E39
114	2005202130	J2	Đoàn Ngọc Ngân	Quỳnh	Công nghệ thực phẩm	E40
115	2005208147	J1	Phạm Trúc	Quỳnh	Công nghệ thực phẩm	E41
116	2005208314	I10	Đỗ Kinh	Kha	Công nghệ thực phẩm	E42
117	2005208195	I9	Trương Bảo	Ngọc	Công nghệ thực phẩm	E43
118	2005208298	I8	Trương Tuyết	Nhi	Công nghệ thực phẩm	E44
119	2005208594	I7	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Công nghệ thực phẩm	E45
120	2005204323	I6	Nguyễn Thị Như	Thục	Công nghệ thực phẩm	E46
121	2005204326	I5	Thái Thị	Thương	Công nghệ thực phẩm	E47
122	2005208238	I4	Nguyễn Thanh	Trúc	Công nghệ thực phẩm	E48
123	2005208267	I3	Nguyễn Ngọc	Diệu	Công nghệ thực phẩm	E49
124	2005208299	I2	Đào Thị	Lan	Công nghệ thực phẩm	X-E49.1
125	2005208358	I1	Phạm Thị Yến	Linh	Công nghệ thực phẩm	D36
126	2005208211	H14	Dương Thị Ngọc	Mai	Công nghệ thực phẩm	D37
127	2005208335	H13	Ngô Đình Thị Kim	Quyên	Công nghệ thực phẩm	D38
128	2005208279	H12	Nguyễn Thị Minh	Thư	Công nghệ thực phẩm	D39
129	2005208189	H11	Phạm Ngọc	Trâm	Công nghệ thực phẩm	D40
130	2005208497	H10	Hồ Như	Trúc	Công nghệ thực phẩm	D41

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
131	2005208156	H9	Nguyễn Quang	Minh	Công nghệ thực phẩm	D42
132	2005208254	H8	Lê Thị Xuân	Biển	Công nghệ thực phẩm	D43
133	2005208232	H7	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Công nghệ thực phẩm	D44
134	2005208214	H6	Nguyễn Thị	Nhi	Công nghệ thực phẩm	D45
135	2005208186	H5	Nguyễn Hoài	Phúc	Công nghệ thực phẩm	D46
136	2005208237	H4	Đỗ Phương	Quyên	Công nghệ thực phẩm	D47
137	2005208564	H3	Trần Hoàng Diễm	Quỳnh	Công nghệ thực phẩm	D48
138	2005208256	H2	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Công nghệ thực phẩm	D49
139	2005208171	H1	Huỳnh Thị Mỹ	Trâm	Công nghệ thực phẩm	X-D49.1
140	2005208257	G14	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Công nghệ thực phẩm	C36
141	2005208185	G13	Võ Mỹ	Linh	Công nghệ thực phẩm	C37
142	2005208268	G12	Lê Hồng	Ngọc	Công nghệ thực phẩm	C38
143	2005208286	G11	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	Công nghệ thực phẩm	C39
144	2005208198	G10	Thái Thị Thu	Tình	Công nghệ thực phẩm	C40
145	2005203029	G9	Trần Thúy	Huỳnh	Công nghệ thực phẩm	C41
146	2005202126	G8	Nguyễn Phương	Quyên	Công nghệ thực phẩm	C42
147	2202210005	G7	Đàm Mạnh	Cường	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	C43
148	2033207468	G6	Trần Đức	Bảo	An toàn thông tin	C44
149	2001190883	G5	Hồ Đăng	Trí	Công nghệ thông tin	C45

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
150	2029200142	G4	Lý Hoàng Duy	Quân	Ngôn ngữ Anh	C46
151	2029205101	G3	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	Ngôn ngữ Anh	C47
152	2029205061	G2	Trương Tuấn	Kiệt	Ngôn ngữ Anh	C48
153	2039200062	G1	Vũ Thị	Trang	Ngôn ngữ Trung Quốc	C49
154	2039202039	F14	Võ Thị Yến	Linh	Ngôn ngữ Trung Quốc	X-C49.1
155	2039205166	F13	Nguyễn Thị Kiều	Hương	Ngôn ngữ Trung Quốc	B15
156	2039205179	F12	Lương Hoài	Trang	Ngôn ngữ Trung Quốc	B16
157	2039205146	F11	Lại Ngọc Huyền	Trâm	Ngôn ngữ Trung Quốc	B17
158	2037200255	F10	Nguyễn Xuân	Phượng	Luật kinh tế	B18
159	2037200049	F9	Cao Thế	Quyền	Luật kinh tế	B19
160	2007202023	F8	Châu Thanh	Đào	Kế toán	B20
161	2207212002	F7	Hồ Thị Minh	Huyền	Kế toán	B21
162	2007203046	F6	Nguyễn Thị	Phương	Kế toán	B22
163	2036205627	F5	Dương Nghiêm Diệu	Huyền	Kinh doanh quốc tế	B23
164	2036205536	F4	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Kinh doanh quốc tế	B24
165	2036205640	F3	Nguyễn Thị Triều	Phú	Kinh doanh quốc tế	B25

Stt	MSHV	Vị trí chỗ ngồi Kỹ sư, Cử nhân	HoTen		Ngành	Vị trí ngồi của phụ huynh (1 người thân)
166	2036205695	F2	Nguyễn Thị Ánh	Ly	Kinh doanh quốc tế	B26
167	2036205723	F1	Nguyễn Mai	Phương	Kinh doanh quốc tế	B27
168	2013191198	E14	Võ Văng Trà	My	Quản trị kinh doanh	B28
169	2013201513	E13	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Quản trị kinh doanh	X-B28.1
170	2013203097	E12	Phan Thị	Thương	Quản trị kinh doanh	A11
171	2034200016	E11	Nguyễn Quốc	Bảo	Khoa học chế biến món ăn	A12
172	2034208880	E10	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khoa học chế biến món ăn	A13
173	2028200027	E9	Vũ Thị Tú	Trinh	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	A14
174	2038200060	E8	Khưu Thị Thanh	Hằng	Quản trị khách sạn	A15
175	2038209444	E7	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Quản trị khách sạn	A16
176	2038200253	E6	Huỳnh Bảo	Trân	Quản trị khách sạn	A17
177	2024200277	E5	Bùi Nguyễn Gia	Lạc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A18
178	2024202045	E4	Nguyễn Thị Ánh	Kiều	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A19
179	2024209350	E3	Đinh Nữ Thảo	Nhi	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A20
180	2024209161	E2	Trịnh Thị Kim	Thoa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	K13
181	2030204763	E1	Ngô Minh	Dũng	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	X-B17.1
182	2030200100	D1	Hồ Thị Ngọc	Hiếu	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	X-B18.1